

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa Anh S và  
chị L

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Kim Huế

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

Ông Triệu Văn Giản

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 163/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Văn S, sinh năm 1975; Nơi cư trú: số P, phường H, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; Đăng ký hộ khẩu thường trú: số P, phường H, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: số H đường B, phường L, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

(Anh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt tại phiên tòa lần 2)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 22-3-2021, trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là anh Phan Văn S trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Nam Định ngày 11-9-1998. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống từ đó vợ chồng đã xảy ra xung đột, cãi vã. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị L cùng con gái là Phan Quỳnh A đã chuyển đi thuê trọ tại địa chỉ chỉ H đường B, phường L sinh sống từ tháng 8 năm 2019 và vợ chồng cũng sống ly thân từ thời điểm tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay Anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên Anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Phan Văn S trình bày vợ chồng anh có hai con chung là Phan Thị Phương Th, sinh ngày 30-12-1998 (giới tính Nữ) và Phan Quỳnh A, sinh ngày 14-8-2008, giới tính Nữ. Hiện nay cháu Phương Thanh đã trưởng thành tự lập, còn cháu Quỳnh Anh đang ở cùng với chị L. Về việc nuôi con: Anh S nhất trí giao con Phan Quỳnh A cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh S xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra do công việc gia đình Anh S không thể tham gia phiên tòa nên ngày 31 tháng 5 năm 2021 Anh S đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 4 năm 2021 bị đơn là chị Nguyễn Thị L xác nhận tình trạng hôn nhân và con chung như anh Phan Văn S trình bày là đúng. Chị L xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống và các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình Anh S. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị cùng con gái là Phan Quỳnh A chuyển ra thuê trọ từ cuối năm 2019 và vợ chồng cũng sống ly thân cho đến nay. Nay Anh S xin ly hôn, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nhưng không đồng ý ly hôn với Anh S, chị L mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy và chăm sóc con chung. Về việc nuôi con chung: Nếu vợ chồng ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Phan Quỳnh A. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 4 năm 2021 cháu Phan Quỳnh A trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ là Nguyễn Thị L.

4. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 17-5-2021 tại tổ dân phố số 19, phường H, thành phố Nam Định xác nhận: Anh S và chị L chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống vợ chồng không hợp, vợ chồng Anh S và chị L đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Về con chung: Vợ chồng Anh S và chị L có hai con chung là Phan Thị Phương Th, sinh ngày 30-12-1998 (giới tính Nữ) và cháu Phan Quỳnh A, sinh ngày 14-8-2008, giới tính Nữ.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án đã không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, 02 lần vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Như vậy bị đơn đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa Anh S và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa Anh S và chị L. Về con chung: Anh S và chị L thống nhất giao con Phan Quỳnh A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại cháu Quỳnh Anh đang ở cùng với chị L và có nguyện vọng được ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của Anh S và chị L, giao con Phan Quỳnh A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S và chị L đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh S và chị L không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Văn S là nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn. Đối với chị Nguyễn Thị L mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa chị L vắng mặt lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn S và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Nam Định nên hôn nhân giữa Anh S và chị L là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn Anh S và chị L chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống và các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình từ đó vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng cũng sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay Anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng được ly hôn với chị L. Đối với chị L mặc dù không đồng ý ly hôn với Anh S nhưng không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa chị L vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện việc chị L không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Anh S và chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa Anh S và chị L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc nuôi con: Anh S và chị L thống nhất: Chị L trực tiếp nuôi con Phan Quỳnh A, sinh ngày 14-8-2008, giới tính Nữ. Về cấp dưỡng nuôi con: vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Văn S là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Phan Văn S và chị Nguyễn Thị L.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của Anh S và chị L, giao con Phan Quỳnh A, sinh ngày 14-8-2008, giới tính Nữ cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp

chăm sóc và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Văn S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Phan Văn S đã nộp tại biên lai số 0003625 ngày 07-04-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Văn S, chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Kim Huế**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND phường H, thành phố Nam Định (*Đã ký kết hôn ngày 11-9-1998*);
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THA dân sự thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Kim Huế**





